

Số: 26 /2009/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Thủ tục:

- a) Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- b) Đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam;
- c) Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam;
- d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

đ) Cấp quyền vận chuyển hàng không; phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

2. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay; nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyển, huỷ chuyển, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển; hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động thuê, cho thuê tàu bay, hoạt động vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung tại Việt Nam.

Chương II

THỦ TỤC CHẤP THUẬN

VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY

Điều 3. Thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay gửi 08 (tám) bộ hồ sơ đề nghị về Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay;
- b) Báo cáo, giải trình các nội dung quy định tại Điều 39 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;
- c) Hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay;
- d) Tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay;
- đ) Tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay;
- e) Tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần có thêm Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 4. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay phải thực sự khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay không cho bất kỳ người nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ việc sử dụng quyền vận chuyển hàng không ngoài giá thuê thoả thuận theo thời gian khai thác hoặc thuê bao cùng với các chi phí liên quan trực tiếp khác.

3. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ tham gia và giải trình việc thuê, cho thuê tàu bay tại cuộc họp thẩm định và chịu các chi phí liên quan đến việc thẩm định.

4. Trước khi đưa tàu bay vào khai thác bay, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo và cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam giấy tờ liên quan đến việc tạm nhập tái xuất tàu bay (đối với việc thuê tàu bay) và tạm xuất tái nhập tàu bay (đối với việc cho thuê tàu bay) của cơ quan Hải quan.

5. Trường hợp thuê tàu bay có thời hạn không quá 07 (bảy) ngày liên tục qui định tại khoản 3 Điều 39 Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp.

6. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hiệu lực của việc thuê, cho thuê tàu bay, thời gian thực tế đưa tàu bay ra khỏi Việt Nam (đối với việc thuê tàu bay), đưa tàu bay về Việt Nam (đối với việc cho thuê tàu bay).

Chương III

ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Điều 5. Ban hành Điều lệ vận chuyển

1. Hãng hàng không có trách nhiệm xây dựng, ban hành Điều lệ vận chuyển của hãng phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Điều lệ vận chuyển phải có các nội dung quy định về các vấn đề sau: quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển; quyền và nghĩa vụ của khách hàng; vé; giá cước vận chuyển và điều kiện áp dụng; đặt giữ chỗ; lịch bay; chậm chuyến, hủy chuyến bay, từ chối và hạn chế chuyên chở; hoàn trả tiền; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra đối với khách hàng; vận chuyển hành khách đặc biệt.

Điều 6. Đăng ký Điều lệ vận chuyển

1. Hãng hàng không đăng ký Điều lệ vận chuyển gửi hồ sơ về Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển;
- b) Bản sao Điều lệ vận chuyển.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ vận chuyển của hãng hàng không trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 7. Nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyến, hủy chuyến, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển

1. Trường hợp chậm chuyến, gián đoạn vận chuyển theo kế hoạch 15 phút trở lên, hãng hàng không có nghĩa vụ thông báo cho hành khách với tần suất 15 phút/lần bằng hệ thống phát thanh tới hành khách các thông tin liên quan đến chuyến bay, cụ thể như sau:

- a) Số hiệu chuyến bay và chặng bay;
- b) Lý do của việc chậm chuyến, gián đoạn vận chuyển;
- c) Thời gian cất cánh dự kiến hoặc kế hoạch bay thay thế;
- d) Kế hoạch phục vụ hành khách;
- đ) Bộ phận trợ giúp hành khách (vị trí, dấu hiệu nhận biết);
- e) Xin lỗi hành khách.

2. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ phục vụ hành khách theo quy định như sau:

- a) Thời gian chậm từ 02 (hai) giờ trở lên phục vụ uống nhẹ;
- b) Thời gian chậm từ 03 (ba) giờ trở lên phục vụ ăn, uống với loại bữa ăn theo thời điểm phục vụ: từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 phục vụ bữa sáng; từ 12 giờ 00 đến 14 giờ 00 phục vụ bữa trưa; từ 19 giờ 00 đến 21 giờ 00 phục vụ bữa tối.
- c) Đối với các chuyến bay trong ngày có thời gian chậm từ 06 (sáu) giờ trở lên: bố trí nơi nghỉ phù hợp với điều kiện thực tế của sân bay.
- d) Đối với các chuyến bay bị chậm mà thời gian hành khách phải chờ đợi dự kiến từ 06 (sáu) giờ trở lên trong khoảng thời gian từ 22 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng ngày hôm sau, hãng hàng không phải bố trí phương tiện đưa đón khách về khách sạn, ưu tiên đối với hành khách đặc biệt.
- đ) Chuyển đổi hành trình của hành khách để hành khách tới được điểm cuối của hành trình một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất;

3. Trường hợp hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển do lỗi của hãng hàng không, hoặc chuyến bay bị huỷ do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ:

- a) Thông báo cho hành khách biết lý do;
- b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này;
- c) Trả một khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách theo quy định pháp luật về bồi thường ứng trước không hoàn lại;
- d) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại các điểm b và c của khoản này theo thoả thuận với hành khách.

4. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, không được chấp nhận vận chuyển không phải do lỗi của hành khách hoặc chuyến bay bị huỷ, hãng hàng không có nghĩa vụ giải quyết việc chi hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng cho hành khách ngay tại sân bay nếu khách có yêu cầu hoặc tại các Văn phòng chi nhánh và đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định, trên cơ sở tờ hành trình hoặc phiếu thu do hãng hàng không xuất hoặc xuất dưới danh nghĩa của hãng hàng không chuyên chở. Việc hoàn vé cho khách được quy định như sau:

- a) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé theo thoả thuận (nếu có);
- b) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá cước (Air Fare); các khoản thuế, phí do Chính phủ, nhà chức trách sân bay quy định, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phí khác có liên quan;
- c) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé áp dụng cho hành trình hành khách và các dịch vụ khác đã sử dụng.

Điều 8. Vận chuyển hành khách đặc biệt

1. Hãng hàng không thực hiện các nghĩa vụ như đối với hành khách thông thường, bố trí nhân viên chăm sóc, hỗ trợ; đồng thời có trách nhiệm tổ chức và triển khai các loại hình dịch vụ hỗ trợ trong quá trình vận chuyển hành khách đặc biệt, cụ thể:

- a) Hành khách là người khuyết tật;
- b) Hành khách là phụ nữ có thai;
- c) Hành khách là người cao tuổi;

d) Hành khách là trẻ em.

2. Miễn phí, cước vận chuyển công cụ hỗ trợ là tài sản của hành khách;

3. Loại dịch vụ hỗ trợ bắt buộc cho từng đối tượng hành khách đặc biệt, thời gian hành khách phải báo trước để được cung cấp dịch vụ hỗ trợ phải được quy định cụ thể trong Điều lệ vận chuyển và niêm yết tại các đại lý bán vé của hãng hàng không, sân bay.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN, BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Cấp, gia hạn giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1. Hãng hàng không nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản dịch công chứng tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân của hãng hàng không, văn bản xác nhận quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng hàng không (giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương);

c) Điều lệ hoạt động của hãng hàng không bằng tiếng Việt;

d) Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé;

đ) Thư bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé;

e) Biên lai nộp lệ phí.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam;

b) Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện;

c) Thỏa thuận về việc uỷ quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam;

d) Biên lai nộp lệ phí.

3. Doanh nghiệp Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài;

b) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân đề nghị;

c) Bản dịch công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp;

d) Hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé;

đ) Biên lai nộp lệ phí.

4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận:

a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày cấp;

b) Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé có thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài có thời hạn không quá 02 (hai) năm kể từ ngày cấp.

5. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này có thể được gia hạn. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn gửi văn bản đề nghị gia hạn đến Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao giấy phép, giấy chứng nhận, báo cáo về hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan, biên lai nộp lệ phí và các tài liệu bổ sung khác (nếu cần).

6. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 10. Thông báo, báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của các hãng hàng không nước ngoài, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không

nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ thông báo hoạt động, báo cáo hoạt động của mình theo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký và đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp, với những nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Văn phòng giao dịch của pháp nhân Việt Nam;

b) Tên, địa chỉ trụ sở của hãng hàng không nước ngoài;

c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân Việt Nam;

d) Danh sách người nước ngoài làm việc (tên, quốc tịch, số hộ chiếu và giấy phép lao động còn hiệu lực (nếu có);

đ) Số, ngày cấp, thời hạn của giấy phép, giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký;

e) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; nội dung hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan được cấp. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi nhân sự là người nước ngoài: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi;

b) Thay đổi nội dung uỷ quyền hoạt động đại diện: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 11. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam làm đại diện cho hãng hàng không nước ngoài

1. Hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài của pháp nhân Việt Nam sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của hãng hàng không nước ngoài;

b) Hãng hàng không nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi hãng hàng không đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện hết hạn hiệu lực, bị thu hồi theo quy định của pháp luật;

d) Hợp đồng uỷ quyền đại diện hết giá trị hiệu lực.

2. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, các chủ nợ, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, được niêm yết công khai tại trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam, đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

3. Hãng hàng không nước ngoài, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác với tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương V

XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

Điều 12. Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam;

c) Có ít nhất 02 nhân viên có chứng chỉ tốt nghiệp khoá đào tạo về giao nhận hàng hoá do Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế hoặc Hiệp hội các tổ chức giao nhận quốc tế cấp;

d) Biên lai nộp lệ phí.

2. Trong trường hợp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

c) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bản dịch có công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có thời hạn hiệu lực không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn. Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị gia hạn đến Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao giấy chứng nhận, báo cáo về hoạt động theo giấy chứng nhận, biên lai nộp lệ phí và các tài liệu bổ sung khác (nếu cần).

4. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 13. Yêu cầu đối với hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không

1. Hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không không phải là hoạt động vận chuyển hàng không của một hãng hàng không theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.

2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không chỉ được làm thủ tục giao nhận hàng hoá tại cảng hàng không, sân bay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

Chương VI

CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Điều 14. Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không nộp hồ sơ đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không theo quy định tại Điều 113 Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 15. Điều kiện cấp quyền vận chuyển hàng không

1. Nhu cầu thị trường:

a) Đối với những đường bay mới chưa có hãng hàng không nào khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp trên cơ sở đề nghị của hãng hàng không dự định khai thác đường bay đó;

b) Đối với các đường bay đang khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp căn cứ kết quả khai thác trên các đường bay này tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

2. Khả năng của hãng hàng không:

a) Khả năng về tài chính, đội tàu bay, nhân lực;

b) Tính khả thi của kế hoạch khai thác tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

3. Cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế:

a) Điều kiện đáp ứng của cơ sở hạ tầng của cảng hàng không, sân bay;

b) Sự phát triển ổn định và hợp lý của các đường bay;

c) Cân đối vận tải hàng không giữa các vùng, miền, có tính đến yếu tố kích cầu và khuyến khích khai thác đến các cảng hàng không tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không (đường bay thiết yếu), các cảng hàng không có lượng khai thác thấp, thực tế khai thác các đường bay thiết yếu của các hãng hàng không;

d) Phân bổ tải cung ứng hợp lý cho các hãng hàng không Việt Nam trên đường bay trục Bắc - Nam, bao gồm các đường bay Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội - Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh - Đà Nẵng.

Điều 16. Các loại hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm các loại hợp đồng sau:

a) Hợp đồng liên danh;

b) Hợp đồng nhượng quyền khai thác;

c) Hợp đồng khác mà đối tượng trực tiếp là việc khai thác, sử dụng quyền vận chuyển hàng không.

2. Hợp đồng liên danh là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng số hiệu chuyến bay của mình trên chuyến bay do hãng hàng không khác khai thác tại Việt Nam.

3. Hợp đồng nhượng quyền khai thác là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng một trong các yếu tố sau đây của hãng hàng không khác trong việc tiếp thị, bán và khai thác các chuyến bay của mình tại Việt Nam, bao gồm tên, mã hiệu (ba ký tự của ICAO hoặc hai ký tự của IATA), biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác.

4. Yêu cầu đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm:

a) Hợp đồng phải có điều khoản quy định chỉ có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

b) Các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, của hãng hàng không Việt Nam;

c) Đối với hoạt động liên danh giữa các hãng hàng không nước ngoài trên các đường bay đến và đi từ Việt Nam, các hãng hàng không nước ngoài phải đệ trình lịch bay liên danh đến Cục Hàng không Việt Nam để xem xét phê duyệt theo quy định của Điều ước quốc tế liên quan;

d) Khoản thu của hãng hàng không nhượng quyền khai thác không phụ thuộc vào kết quả khai thác các đường bay của hãng hàng không được nhượng quyền.

Điều 17. Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt hợp đồng;

b) Bản sao hợp đồng;

c) Văn bản cấp quyền vận chuyển hàng không của Cục Hàng không Việt Nam, của nhà chức trách hàng không nước ngoài tương ứng;

d) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với mã hiệu, biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác của hãng hàng không chuyển nhượng quyền khai thác.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 18. Yêu cầu đối với việc khai thác quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không chỉ được phép kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Các hãng hàng không không được mua bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh.

3. Trừ trường hợp thực hiện hợp đồng liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trên đường bay liên quan đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, hãng hàng không không được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng cáo, tiếp thị bằng hình ảnh, thương hiệu, biểu tượng, nhãn hiệu của hãng hàng không khác cho chuyến bay do mình khai thác.

Chương VII

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG, KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 19. Văn bản xác nhận vốn pháp định

1. Đối với trường hợp thành lập mới, văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được quy định như sau:

a) Đối với vốn góp bằng tiền mặt: văn bản của ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận phong tỏa tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép mở tại ngân hàng, tổ chức tín dụng; số lượng tiền phong tỏa ít nhất bằng mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp Giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tài sản, bất động sản qui giá trị tương ứng (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt, tài sản, bất động sản); xác nhận phải có hiệu lực ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép;

b) Đối với vốn góp bằng tài sản, bất động sản (chỉ tính phần bất động sản trực tiếp phục vụ cho mục đích kinh doanh ngành nghề xin cấp giấy phép): văn bản của các tổ chức, đơn vị được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc được Việt Nam công nhận hoặc thừa nhận trong lĩnh vực định giá, thừa nhận xác nhận quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản và giá trị của tài sản, bất động sản của tổ chức, cá nhân; giá trị của tài sản, bất động sản ít nhất phải tương đương với mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tiền mặt (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt tài sản, bất động sản); quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản phải được duy trì ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép.

2. Đối với trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động, ngoài các hình thức nêu tại khoản 1 của Điều này, có thể sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp có kiểm toán tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép.

3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.

Điều 20. Yêu cầu về chuyên môn của các vị trí

1. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tương ứng, có văn bằng, chứng chỉ liên quan được các cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc thừa nhận.

2. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không phải có bằng đại học các ngành kinh tế hoặc thương mại hoặc tài chính.

3. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hệ thống thanh toán tài chính phải có bằng đại học các ngành tài chính hoặc bằng kế toán trưởng.

Điều 21. Phần vốn nước ngoài của các dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không

1. Phần vốn nước ngoài, bao gồm:

- a) Phần vốn góp trực tiếp của tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- b) Phần vốn góp của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhân với phần vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó.

2. Tổng số phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong một hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Huỷ, thu hồi, đình chỉ giấy phép, giấy chứng nhận, việc chấp thuận, việc cấp quyền trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận vi phạm các quy định của Thông tư này hoặc pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận không còn đủ điều kiện được cấp hoặc được chấp thuận theo quy định;

c) Các bên liên quan chấm dứt hợp đồng, thoả thuận;

d) Cố ý lập hồ sơ, báo cáo trong quá trình thẩm định không trung thực;

đ) Các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này hết thời hạn hiệu lực theo quy định.

2. Kiểm tra và tiến hành các thủ tục công nhận, thừa nhận hiệu lực của các tài liệu về khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định của pháp luật.

3. Thông báo về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đặt văn phòng.

4. Gửi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận đến các Sở Kế hoạch Đầu tư của các tỉnh, thành phố nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính, các Cảng vụ hàng không và các Tổng công ty Cảng hàng không tương ứng.

5. Định kỳ công bố các đường bay thiết yếu theo công bố của Chính phủ về vùng khó khăn với các tiêu chí về thu nhập đầu người, mức độ khó khăn đối với các phương tiện vận tải khác, tác động của đường bay đối với phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

6. Chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác các đường bay thiết yếu với tần suất thích hợp theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi được cấp, gia hạn các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

8. Tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Điều 23. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 23;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, VTài.



Hồ Nghĩa Dũng

Mẫu số 01

TIÊU ĐỀ

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ/HOẶC VĂN PHÒNG BÁN VÉ**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Quốc tịch của hãng hàng không:

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ :

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có)...

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không :.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và, hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt nếu có:.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động)

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....;

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không
(ghi rõ chức danh cụ thể)
ký tên, đóng dấu

Giấy tờ kèm theo:

- Bản dịch công chứng tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân của hãng hàng không, văn bản xác nhận quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng (giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương);

- Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

- Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng nhà nơi đặt văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé;

- Mẫu vé dự định bán hoặc xuất tại Việt Nam (đối với hồ sơ xin thành lập Văn phòng bán vé);

- Biên lai nộp lệ phí.

Mẫu số 02

TIÊU ĐỀ

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ :

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ngàytháng.....năm.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên hãng hàng không

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(ghi rõ chức danh cụ thể)

ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện.
- Bản sao hợp đồng chỉ định đại diện tại Việt Nam.
- Biên lai nộp lệ phí.

Mẫu số 03

TIÊU ĐỀ

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH ĐẠI LÝ BÁN VÉ
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):
Tên công ty viết tắt (nếu có):
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:
Do: cấp ngày tháng năm tại.....
Lĩnh vực hoạt động chính:
Vốn điều lệ :
Số tài khoản: Tại Ngân hàng:
Điện thoại:..... Fax:, Email: Website (nếu có)
Đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:
Chức vụ:
Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé máy bay số ký ngày tháng năm.....

Giữa

Tên Công ty
Trụ sở chính:.....
Được thành lập theo giấy phép số: ngàytháng.....năm.....
do cấp với ngành nghề

Và

Tên hãng hàng không
Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):
Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)
Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không của thương nhân tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể)
ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao có công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp hoặc Bản dịch công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp (trong trường hợp ngôn ngữ của tài liệu này không phải là tiếng Anh);

- Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý bán vé;

- Biên lai nộp lệ phí.

Ghi chú: Hợp đồng chỉ định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài (gồm: hợp đồng chỉ định đại lý bán vé hành khách; hoặc hợp đồng chỉ định đại lý bán vận đơn hàng không).

THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/VĂN PHÒNG BÁN VÉ

.....(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân ghi trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Thông báo chính thức hoạt động kể từ ngàythángnăm.....với nội dung như sau:

I. Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép)

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép)

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do.....cấp ngày: tháng... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (ghi theo Giấy phép)

Điện thoại:Fax:.....Email: (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:.....tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)Giới tính:.....

Quốc tịch:

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do.....cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:
(ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:
(ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người)

III. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:
(ghi cụ thể theo Giấy phép)

.....
.....
Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (tên theo Giấy phép) đã làm thủ tục đăng tin thông báo hoạt động trên báo (nêu tên tờ báo viết hoặc báo điện tử) số ra ngày.....tháng.....năm.....

Các tài liệu kèm theo:

1. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc nhận đăng thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo;

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé do cơ quan công an cấp;

3. Bản sao giấy đăng ký mở tài khoản của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam;

4. Bản sao các tài liệu bao gồm: thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương), hợp đồng lao động của lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; hộ chiếu, thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Cục Hàng không Việt Nam xác nhận
đã nhận được thông báo hoạt động
hãng hàng không

Người đứng đầu
Văn phòng đại diện/Văn phòng bán
vé của Văn phòng đại diện
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
(Năm)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện (ghi rõ tên theo Giấy phép) xin báo cáo hoạt động của chúng tôi trong thời gian từ ngày.....tháng.....năm đến ngày.....tháng.....năm..., với nội dung cụ thể như sau:

I. Văn phòng đại diện:

Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong Giấy phép)

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép)

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do.....cấp ngày..... tháng... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi theo Giấy phép).....

Điện thoại:Fax:..... Email: (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:.....tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:.....tại Ngân hàng:

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện

1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)Giới tính:.....

Quốc tịch:

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:.....cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện của từng người)

3. Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu có)

- Thay đổi số lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện: (nếu có)

- Thay đổi số lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện: (nếu có)

4. Tình hình thực hiện chế độ đối với người lao động làm việc tại Văn phòng đại diện: lương, thưởng, bảo hiểm, các hoạt động khác...

III. Hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể theo Giấy phép):

2. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

(Văn phòng đại diện chỉ báo cáo các nội dung hoạt động trong phạm vi Giấy phép nếu có)

3. Các hoạt động khác: quảng cáo, hội chợ, trưng bày, triển lãm...theo quy định của pháp luật, các hoạt động xã hội (nếu có)

IV. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của Văn phòng đại diện và kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá chung:.....

.....

2. Kiến nghị, đề xuất: :.....

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo.

Người đứng đầu Văn phòng đại diện
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/VĂN PHÒNG BÁN VÉ.....
(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh)

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do:.....cấp ngày.....tháng.....năm..... tại.....

Xin thông báo đã thực hiện đầy đủ việc thanh toán các khoản nợ và hoàn thành các nghĩa vụ có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của:

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép)

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị)

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do.....cấp ngày: tháng..... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày ... tháng năm ... đến ngày tháng năm

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé theo Giấy phép)

Điện thoại:Fax:.....Email:..... (nếu có)

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông báo này.

Các tài liệu kèm theo:

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.
2. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo.
3. Bản sao giấy tờ chứng minh Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan của Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không nước ngoài
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đăng ký
xuất vận đơn hàng không thủ cấp của mình)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành
lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh
doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ :

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp
của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức,
cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung
Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan
đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động
giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch
vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(ghi rõ chức danh cụ thể)

ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức,
cá nhân Việt Nam;
- Biên lai nộp lệ phí.
- Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thủ cấp;

Mẫu số 08

TIÊU ĐỀ

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài)

Kính gửi: Cục hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:

Do: cấp ngày tháng năm tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:

Vốn điều lệ :

Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

Điện thoại:.....Fax:....., Email: Website (nếu có)

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:

Chức vụ:

Quốc tịch:

Đề nghị Giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận ký ngày ... tháng ...năm.....

Giữa

Tên Công ty

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số: ngày/...../.....

do cấp với ngành nghề

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:
Do:..... cấp ngày tháng năm tại.....
Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)
Họ và tên:
Chức vụ:
Quốc tịch:

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty
(ghi rõ chức danh cụ thể)
ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa nước ngoài;
- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

THÔNG TƯ

Quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Hướng dẫn thủ tục: a) Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam; c) Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp; đ) Cấp quyền vận chuyển hàng không; phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không. 2. Hướng dẫn về yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay; nghĩa vụ	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau: 1. Thủ tục: a) Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam; c) Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp; đ) Cấp quyền vận chuyển hàng không; phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.	<u>Bổ sung khoản 1</u> cụm từ “hoạt động” thành cho thuê hoạt động tàu bay.	<u>Giữ nguyên:</u> để đảm bảo cụm từ này đúng theo Điều 35 Luật Hàng không dân dụng 2006.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyển, huỷ chuyển, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển; hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp. 3. Hướng dẫn về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung.	2. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay; nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyển, huỷ chuyển, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển; hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp. 3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung.	<u>Bỏ cụm từ</u> “kinh doanh cảng hàng không” do không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Thông tư này.	<u>Đã chỉnh sửa:</u> do kinh doanh cảng hàng không sẽ được quy định tại Thông tư hướng dẫn Nghị định số 83 do Vụ Kết cấu hạ tầng đang triển khai xây dựng.
Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động hàng không dân dụng ở nước ngoài, nếu pháp luật của nước ngoài không có qui định khác.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động thuê, cho thuê tàu bay, hoạt động vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung tại Việt Nam.	Đề nghị viết gọn lại	Đã chỉnh sửa
Chương II THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY	Chương II THỦ TỤC CHẤP THUẬN VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY	<u>Bỏ chương này:</u> do có sự trùng lặp với quy định tại Dự thảo Nghị định về mua bán tàu bay.	<u>Giữ nguyên:</u> do Nghị định về mua bán tàu bay chỉ điều chỉnh việc mua, bán tàu bay đối với các doanh nghiệp Nhà nước, không điều chỉnh hoạt động thuê, cho thuê tàu bay của tổ chức, cá nhân VN

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Điều 3. Thuê, cho thuê tàu bay 1. Hồ sơ thuê, cho thuê tàu bay gồm: a) Tờ trình đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay; b) Báo cáo, giải trình các nội dung quy định tại Điều 139 Luật Hàng không năm 2006; c) Bản sao hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; d) Tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay; đ) Tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay; e) Tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần có thêm chứng chỉ người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm. 2. Tổ chức, cá nhân nộp 08 (tám) bộ Hồ sơ thuê, cho thuê tàu bay tại Cục	Điều 3. Thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay 1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay gửi 08 (tám) bộ hồ sơ đề nghị về Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay; b) Báo cáo, giải trình các nội dung quy định tại Điều 39 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006; c) Hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; d) Tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay; đ) Tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay; e) Tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần có thêm	<u>Bổ sung khoản 1</u> cụm từ “hoạt động” thành cho thuê hoạt động tàu bay <u>Bổ sung điểm a:</u> Mẫu đơn đề nghị. <u>Đề nghị</u> chỉ rõ tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh	với nước ngoài. <u>Giữ nguyên:</u> để đảm bảo cụm từ này đúng theo Luật Hàng không 2006. <u>Giữ nguyên:</u> vì nó chỉ là một loại văn bản thông dụng và không có quy định nội dung cần chuyển tải giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. <u>Giữ nguyên:</u> do pháp nhân đã được định nghĩa cụ thể tại Điều 84, Luật Dân sự; tài liệu khẳng định hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng không là Giấy đăng ký kinh doanh. Viết như thế này để phù hợp với yêu cầu thực tế của các tổ chức, cá nhân nước ngoài khi không có các văn bản giấy tờ liên quan, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Hàng không Việt Nam.	Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm. 2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<u>Bổ sung cuối khoản 2:</u> để xem xét, thẩm định, trước khi trình Bộ chấp thuận.	<u>Không bổ sung:</u> đây là trách nhiệm của Cục và đã được quy định tại Điều 22.
Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân 1. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay phải thực sự khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các quyền vận chuyển hàng không được cấp. 2. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay không cho người cho thuê tàu bay, người khai thác tàu bay hoặc bất kỳ người nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp dưới bất kỳ hình thức nào hưởng lợi hoặc sử dụng quyền vận chuyển hàng không. 3. Quyền lợi tài chính của tổ chức, cá nhân cho thuê tàu bay theo hợp đồng thuê chỉ được tính trên cơ sở giá thuê thoả thuận theo thời gian khai thác hoặc thuê bao cùng với các chi phí liên quan trực tiếp khác	Điều 4. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay 1. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay phải thực sự khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các quyền vận chuyển hàng không được cấp. 2. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay không cho bất kỳ người nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ việc sử dụng quyền vận chuyển hàng không ngoài giá thuê thoả thuận theo thời gian khai thác hoặc thuê bao cùng với các chi phí liên quan trực tiếp khác.	Bổ cục lại và gộp Điều 4 với Điều 5	Đã chỉnh sửa <u>Bỏ khoản 3:</u> Theo Điều 4, Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế thì quy định về quyền lợi tài chính trên hợp đồng thuê tàu bay giữa các tổ chức, cá nhân liên quan không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
mà không được phụ thuộc vào kết quả kinh doanh khai thác tàu bay của tổ chức, cá nhân thuê tàu bay. 4. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ tham gia và giải trình việc thuê, cho thuê tàu bay tại cuộc họp thẩm định và chịu các chi phí liên quan đến việc thẩm định. Điều 5. Yêu cầu đối với việc đưa tàu bay vào khai thác 1. Trước khi đưa tàu bay vào khai thác bay, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo và cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam các tài liệu liên quan đến tàu bay, người khai thác tàu bay nước ngoài (nếu có), người bảo dưỡng tàu bay nước ngoài (nếu có) theo quy định của pháp luật về khai thác, bảo dưỡng tàu bay, giấy tờ liên quan đến việc tạm nhập tái xuất tàu bay (đối với việc thuê tàu bay) và tạm xuất tái nhập tàu bay (đối với việc cho thuê tàu bay) của cơ quan Hải quan. 2. Trường hợp thuê tàu bay có thời	3. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ tham gia và giải trình việc thuê, cho thuê tàu bay tại cuộc họp thẩm định và chịu các chi phí liên quan đến việc thẩm định. 4. Trước khi đưa tàu bay vào khai thác bay, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo và cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam giấy tờ liên quan đến việc tạm nhập tái xuất tàu bay (đối với việc thuê tàu bay) và tạm xuất tái nhập tàu bay (đối với việc cho thuê tàu bay) của cơ quan Hải quan. 5. Trường hợp thuê tàu bay có thời hạn không quá 07 (bảy) ngày liên tục qui định tại khoản 3 Điều 39 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp. 6. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam các	<u>Bổ sung:</u> Quy định thời gian thông báo, cách thức thông báo. <u>Bỏ cụm từ:</u> “các tài liệu liên quan đến tàu bay, người khai thác tàu bay nước ngoài, người bảo dưỡng tàu bay nước ngoài theo quy định của pháp luật về khai thác, bảo dưỡng tàu bay,” do không cần thiết đối với việc đưa tàu bay vào khai thác.	<u>Giữ nguyên:</u> do khoản 6 đã quy định. Đã chỉnh sửa.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
hạn không quá 07 (bảy) ngày liên tục qui định tại khoản 3, Điều 39 Luật Hàng không năm 2006, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp. 3. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hiệu lực của việc thuê, cho thuê tàu bay, thời gian thực tế đưa tàu bay ra khỏi Việt Nam (đối với việc thuê tàu bay), đưa tàu bay về Việt Nam (đối với việc cho thuê tàu bay).	trường hợp vi phạm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hiệu lực của việc thuê, cho thuê tàu bay, thời gian thực tế đưa tàu bay ra khỏi Việt Nam (đối với việc thuê tàu bay), đưa tàu bay về Việt Nam (đối với việc cho thuê tàu bay).		
Chương III ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG Điều 7. Điều lệ vận chuyển hàng không 1. Hãng hàng không có trách nhiệm	Chương III ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG Điều 5. Ban hành Điều lệ vận chuyển 1. Hãng hàng không có trách nhiệm		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
xây dựng, ban hành Điều lệ vận chuyển của hãng phù hợp với các quy định của pháp luật. 2. Điều lệ vận chuyển phải có các nội dung quy định về các vấn đề sau: quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển; quyền và nghĩa vụ của khách hàng; vé; giá cước vận chuyển và điều kiện áp dụng; đặt giữ chỗ; lịch bay; chậm chuyển, hủy chuyển bay, từ chối và hạn chế chuyển chở; hoàn trả tiền; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra đối với khách hàng; vận chuyển hành khách đặc biệt.	xây dựng, ban hành Điều lệ vận chuyển của hãng phù hợp với các quy định của pháp luật. 2. Điều lệ vận chuyển phải có các nội dung quy định về các vấn đề sau: quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển; quyền và nghĩa vụ của khách hàng; vé; giá cước vận chuyển và điều kiện áp dụng; đặt giữ chỗ; lịch bay; chậm chuyển, hủy chuyển bay, từ chối và hạn chế chuyển chở; hoàn trả tiền; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra đối với khách hàng; vận chuyển hành khách đặc biệt.		
Điều 6. Đăng ký Điều lệ vận chuyển hàng không 1. Hồ sơ đăng ký Điều lệ vận chuyển hàng không gồm: a) Đơn đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển theo; b) Bản sao Điều lệ vận chuyển hàng không. 2. Tổ chức, cá nhân nộp Hồ sơ đăng ký Điều lệ vận chuyển hàng không tại Cục Hàng không Việt Nam.	Điều 6. Đăng ký Điều lệ vận chuyển 1. Hãng hàng không đăng ký Điều lệ vận chuyển gửi hồ sơ về Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển; b) Bản sao Điều lệ vận chuyển. 2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ vận chuyển	<u>Bổ sung điểm a:</u> Mẫu đơn đề nghị. <u>Bổ sung:</u> số lượng hồ sơ phải nộp.	<u>Giữ nguyên:</u> vì nó chỉ là một loại văn bản thông dụng và không có quy định nội dung cần chuyển tải giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. <u>Giữ nguyên:</u> vì số lượng hồ sơ cần phải nộp của tổ chức, cá nhân chỉ là 01 bộ.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
	của hãng hàng không trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	<u>Bổ sung</u> : quy định thời hạn thẩm định của Cục.	Đã bổ sung
Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ của hãng hàng không 1. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm không do lỗi của hành khách: a) Thông báo cho hành khách Trường hợp chuyến bay bị chậm so với giờ xuất phát theo kế hoạch từ 15 phút trở lên, đại diện của hãng hàng không tại sân bay có trách nhiệm thông báo với tần suất 15 phút/lần bằng hệ thống phát thanh tới hành khách các thông tin liên quan đến chuyến bay bị chậm, cụ thể như sau: i. Số hiệu chuyến bay và chặng bay; ii. Lý do của việc chậm chuyển; iii. Thời gian cất cánh dự kiến, hoặc kế hoạch bay thay thế; iv. Kế hoạch phục vụ hành khách; v. Bộ phận trợ giúp hành khách (vị trí, dấu hiệu nhận biết);	Điều 7. Nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyển, huỷ chuyển, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển 1. Trường hợp chậm chuyển, gián đoạn vận chuyển theo kế hoạch 15 phút trở lên, hãng hàng không có nghĩa vụ thông báo cho hành khách với tần suất 15 phút/lần bằng hệ thống phát thanh tới hành khách các thông tin liên quan đến chuyến bay, cụ thể như sau: a). Số hiệu chuyến bay và chặng bay; b) Lý do của việc chậm chuyển, gián đoạn vận chuyển; c) Thời gian cất cánh dự kiến hoặc kế hoạch bay thay thế; d) Kế hoạch phục vụ hành khách; đ) Bộ phận trợ giúp hành khách (vị trí, dấu hiệu nhận biết); e) Xin lỗi hành khách. 2. Trường hợp hành khách đã được	<u>Bổ sung điểm c</u>: cụm từ “cụ thể” thành kế hoạch bay thay thế cụ thể.	<u>Giữ nguyên</u>: vì đã là kế hoạch bay dự kiến thì không cần “cụ thể”.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
vi. Xin lỗi hành khách. b) Phục vụ ăn uống cho hành khách trong trường hợp: i. Thời gian chậm từ 02 (hai) giờ trở lên phục vụ uống nhẹ; ii. Thời gian chậm từ 03 (ba) giờ trở lên phục vụ ăn, uống với loại bữa ăn theo thời điểm phục vụ: - 06 giờ 00 – 08 giờ 00: bữa sáng; - 12 giờ 00 – 14 giờ 00: bữa trưa; - 19 giờ 00 – 21 giờ 00: bữa tối. c) Phục vụ khách sạn, đi lại i. Đối với các chuyến bay trong ngày có thời gian chậm từ 06 (sáu) giờ trở lên: bố trí nơi nghỉ phù hợp với điều kiện thực tế của sân bay. ii. Đối với các chuyến bay bị chậm mà thời gian hành khách phải chờ đợi dự kiến từ 05 (năm) giờ trở lên trong khoảng thời gian từ 22 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng ngày hôm sau, hãng hàng không phải bố trí phương tiện đưa đón khách về khách sạn, ưu tiên đối với phụ nữ có thai, người già, trẻ em và người khuyết tật.	xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ phục vụ hành khách theo quy định như sau: a) Thời gian chậm từ 02 (hai) giờ trở lên phục vụ uống nhẹ; b) Thời gian chậm từ 03 (ba) giờ trở lên phục vụ ăn, uống với loại bữa ăn theo thời điểm phục vụ: từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 phục vụ bữa sáng; từ 12 giờ 00 đến 14 giờ 00 phục vụ bữa trưa; từ 19 giờ 00 đến 21 giờ 00 phục vụ bữa tối. c) Đối với các chuyến bay trong ngày có thời gian chậm từ 06 (sáu) giờ trở lên: bố trí nơi nghỉ phù hợp với điều kiện thực tế của sân bay. d) Đối với các chuyến bay bị chậm mà thời gian hành khách phải chờ đợi dự kiến từ 06 (sáu) giờ trở lên trong khoảng thời gian từ 22 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng ngày hôm sau, hãng hàng không phải bố trí phương tiện đưa đón khách về khách sạn, ưu tiên đối với phụ nữ có thai, người già, trẻ em và người	<u>Bổ sung:</u> quy định trách nhiệm cung cấp dịch vụ ăn uống cho các đơn vị thuộc cảng hàng không sân bay.	<u>Giữ nguyên:</u> do đơn vị thuộc cảng hàng không sân bay cũng giống như hãng hàng không là các đơn vị kinh doanh dịch vụ và họ sẽ cung cấp dịch vụ của mình khi có đề nghị từ các đơn vị có nhu cầu và họ không có trách nhiệm đối với hành khách sử dụng dịch vụ của các hãng hàng không. Hiện nay, các hãng hàng không Việt Nam vẫn thực hiện nghiêm chỉnh và chỉ có Jetstar Pacific Airlines là nói không thể thực hiện được.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
2. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của hãng hàng không: a) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1, Điều này; b) Chuyển đổi hành trình của hành khách để hành khách tới được điểm cuối của hành trình một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất; c) Hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng của hành khách có vé của hãng hàng không hoặc vé của hãng hàng không khác được chấp nhận chuyển chờ (theo các hợp đồng chấp nhận chứng từ vận chuyển) theo yêu cầu của hành khách. 3. Trường hợp hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển hoặc chuyến bay bị huỷ mà không được thông báo trước: a) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; b) Trả một khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành	khuyết tật. d) Chuyển đổi hành trình của hành khách để hành khách tới được điểm cuối của hành trình một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất; 3. Trường hợp hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển do lỗi của hãng hàng không, hoặc chuyến bay bị huỷ do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ: a) Thông báo cho hành khách biết lý do; b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này; c) Trả một khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách theo quy định pháp luật về bồi thường ứng trước không hoàn lại; d) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại các điểm b và c của khoản này theo thoả thuận với hành khách. 4. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
khách theo quy định tại Quyết định 10/2007/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Giao thông vận tải về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không. 4. Bố trí bộ phận giải quyết việc chi hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng cho hành khách ngay tại sân bay nếu khách có yêu cầu hoặc tại các Văn phòng chi nhánh và đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định. 5. Hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng cho hành khách trên cơ sở tờ hành trình hoặc phiếu thu do hãng hàng không xuất hoặc xuất dưới danh nghĩa của hãng hàng không chuyên chở. Việc hoàn vé cho khách, miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé theo thoả thuận (nếu có), cụ thể như sau: a) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà khách đã trả. Tiền vé bao gồm các khoản: giá cước (Air Fare); các khoản thuế, phí do Chính phủ, nhà	chậm, không được chấp nhận vận chuyển không phải do lỗi của hành khách hoặc chuyến bay bị hủy, hãng hàng không có nghĩa vụ giải quyết việc chi hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng cho hành khách ngay tại sân bay nếu khách có yêu cầu hoặc tại các Văn phòng chi nhánh và đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định, trên cơ sở tờ hành trình hoặc phiếu thu do hãng hàng không xuất hoặc xuất dưới danh nghĩa của hãng hàng không chuyên chở. Việc hoàn vé cho khách được quy định như sau: a) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé theo thoả thuận (nếu có); b) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá cước (Air Fare); các khoản thuế, phí do Chính phủ, nhà chức trách sân bay quy định, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phí khác có liên quan;		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
chức trách sân bay quy định, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phí khác có liên quan; b) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé áp dụng cho hành trình hành khách đã sử dụng.	c) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé áp dụng cho hành trình hành khách và các dịch vụ khác đã sử dụng. Điều 8. Vận chuyển hành khách đặc biệt 1. Hãng hàng không thực hiện các nghĩa vụ như đối với hành khách thông thường, bố trí nhân viên chăm sóc, hỗ trợ; đồng thời có trách nhiệm tổ chức và triển khai các loại hình dịch vụ hỗ trợ trong quá trình vận chuyển hành khách đặc biệt, cụ thể như sau: a) Hành khách là người khuyết tật; b) Hành khách là phụ nữ có thai; c) Hành khách là người cao tuổi; d) Hành khách là trẻ em. 2. Miễn phí cước vận chuyển công cụ hỗ trợ là tài sản của hành khách; 3. Loại dịch vụ hỗ trợ bắt buộc cho từng đối tượng hành khách đặc biệt,		Vụ Vận tải và Cục Hàng không thống nhất bổ sung do yêu cầu thực tế của quá trình vận chuyển

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
	thời gian hành khách phải báo trước để được cung cấp dịch vụ hỗ trợ phải được quy định cụ thể trong Điều lệ vận chuyển và niêm yết tại các đại lý bán vé của hãng hàng không, sân bay		
Chương IV CẤP GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, VĂN PHÒNG BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI Điều 9. Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam 1. Hãng hàng không nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép	Chương IV HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN, BÁN VÉ CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI Điều 9. Cấp, gia hạn giấy phép, giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam 1. Hãng hàng không nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo	<u>Bổ sung:</u> Điều kiện người lao động nước ngoài tại các văn phòng.	<u>Giữ nguyên:</u> Đối tượng này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, hơn nữa Bộ Lao động, thương binh và xã hội cũng đã có quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo Luật Lao động.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
theo Mẫu số 01 kèm theo Thông tư này; b) Bản dịch công chứng tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân của hãng hàng không, văn bản xác nhận quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng hàng không (giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); c) Điều lệ hoạt động của hãng hàng không bằng tiếng Việt; d) Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; đ) Thư bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé e) Biên lai nộp lệ phí. 2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao	Thông tư này; b) Bản dịch công chứng tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân của hãng hàng không, văn bản xác nhận quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng hàng không (giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương); c) Điều lệ hoạt động của hãng hàng không bằng tiếng Việt; d) Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; đ) Thư bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé e) Biên lai nộp lệ phí. 2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau:		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; b) Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện; c) Thoả thuận về việc uỷ quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam; d) Biên lai nộp lệ phí. 3. Doanh nghiệp Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài theo Mẫu số 03 kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài; b) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ	a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; b) Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện; c) Thoả thuận về việc uỷ quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam; d) Biên lai nộp lệ phí. 3. Doanh nghiệp Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài; b) Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
chức, cá nhân đề nghị; c) Bản dịch công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp; d) Hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé; đ) Biên lai nộp lệ phí. 4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận: a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; b) Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé có thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp; c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài	chức, cá nhân đề nghị; c) Bản dịch công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp; d) Hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé; đ) Biên lai nộp lệ phí. 4. Thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận: a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; b) Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé có thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày cấp; c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
có thời hạn không quá 02 (hai) năm kể từ ngày cấp. 5. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này có thể được gia hạn. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn gửi văn bản đề nghị gia hạn đến Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao giấy phép, giấy chứng nhận, báo cáo về hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan, biên lai nộp lệ phí và các tài liệu bổ sung khác (nếu cần). 6. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	có thời hạn không quá 02 (hai) năm kể từ ngày cấp. 5. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này có thể được gia hạn. Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn gửi văn bản đề nghị gia hạn đến Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao giấy phép, giấy chứng nhận, báo cáo về hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan, biên lai nộp lệ phí và các tài liệu bổ sung khác (nếu cần). 6. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		
Điều 10. Trách nhiệm của hãng hàng không 1. Làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé trong trường hợp thay đổi tên gọi của hãng hàng không			<u>Bộ</u> do những quy định tại Điều này là trách nhiệm làm thủ tục sửa đổi, bổ sung là trách nhiệm đương nhiên khi có sự thay đổi. Hơn nữa, nó cũng đã được quy định lại tại Điều 9, Điều 10 mới

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
hoặc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé bị mất, bị rách. 2. Làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé trong trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hoặc thay đổi địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé. 3. Làm thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé trước khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hết hạn 30 ngày, trong trường hợp hãng hàng không tiếp tục hoạt động tại Việt Nam. 4. Đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam phải làm thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện trước khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện hết hạn 30 ngày, trong trường hợp hãng hàng không tiếp tục hoạt động tại Việt Nam. 5. Làm thủ tục gia hạn Giấy chứng			

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé trước khi Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé hết hạn 30 ngày, trong trường hợp hãng hàng không tiếp tục hoạt động tại Việt Nam.			
Điều 11. Thông báo, báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam được hãng hàng không nước ngoài uỷ quyền 1. Thông báo hoạt động và chế độ báo cáo. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của các hãng hàng không nước ngoài và các pháp nhân Việt Nam được hãng hàng không nước ngoài uỷ quyền có nghĩa vụ thông báo hoạt động của mình đến Cục Hàng không Việt Nam theo Mẫu số 04 kèm theo Thông tư này, cụ thể: a) Thông báo hoạt động: trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy phép, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam	Điều 10. Thông báo, báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam 1. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của các hãng hàng không nước ngoài, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ thông báo hoạt động, báo cáo hoạt động của mình theo theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký và đăng tin trên	Đề nghị viết lại cho đúng thể thức.	Đã chỉnh sửa

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
phải mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký và đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp, với những nội dung sau đây: i. Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Văn phòng giao dịch của pháp nhân Việt Nam; ii. Tên, địa chỉ trụ sở của hãng hàng không nước ngoài; iii. Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân Việt Nam; iv. Danh sách người nước ngoài làm việc (tên, quốc tịch, số hộ chiếu) tại văn phòng Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; v. Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, cơ quan cấp Giấy phép; Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy chứng nhận hoạt động đại diện. vi. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé theo Giấy phép đã được cấp; nội	một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp, với những nội dung sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Văn phòng giao dịch của pháp nhân Việt Nam; b) Tên, địa chỉ trụ sở của hãng hàng không nước ngoài; c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân Việt Nam; d) Danh sách người nước ngoài làm việc (tên, quốc tịch, số hộ chiếu và giấy phép lao động còn hiệu lực (nếu có)); đ) Số, ngày cấp, thời hạn của giấy phép, giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký; e) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; nội dung hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài. 2. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
dung hoạt động đại diện theo uỷ quyền toàn bộ của hãng hàng không nước ngoài theo Giấy chứng nhận đã được cấp. b) Báo cáo định kỳ hàng năm: i. Văn phòng đại diện và các pháp nhân Việt Nam được hãng hàng không nước ngoài uỷ quyền báo cáo theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư này; ii. Văn phòng bán vé báo cáo; iii. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp; c) Báo cáo thay đổi i. Thay đổi nhân sự là người nước ngoài: Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé phải gửi báo cáo bằng văn bản kèm theo bản sao những tài liệu có liên quan đến Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi; ii. Thay đổi nội dung uỷ quyền hoạt động đại diện: Văn phòng đại diện, pháp nhân Việt Nam phải gửi báo cáo bằng văn bản tới Cục Hàng không Việt Nam trong thời hạn 10	hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan được cấp. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi nhân sự là người nước ngoài: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi; b) Thay đổi nội dung uỷ quyền hoạt động đại diện: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
ngày kể từ ngày có sự thay đổi.			
Điều 12. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam làm đại diện cho hãng hàng không nước ngoài. 1. Hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài của pháp nhân Việt Nam sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau: a) Theo đề nghị của hãng hàng không nước ngoài; b) Hãng hàng không nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi hãng hàng không đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện hết hạn hiệu lực, bị thu hồi theo quy định của pháp luật; d) Hợp đồng uỷ quyền đại diện hết giá trị hiệu lực. 2. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn	Điều 11. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam làm đại diện cho hãng hàng không nước ngoài. 1. Hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài của pháp nhân Việt Nam sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau: a) Theo đề nghị của hãng hàng không nước ngoài; b) Hãng hàng không nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi hãng hàng không đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện hết hạn hiệu lực, bị thu hồi theo quy định của pháp luật; d) Hợp đồng uỷ quyền đại diện hết giá trị hiệu lực. 2. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động theo Mẫu số 06 kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, các chủ nợ, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, được niêm yết công khai tại trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam, đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp. 3. Hãng hàng không nước ngoài, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác với tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.	phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, các chủ nợ, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, được niêm yết công khai tại trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam, đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp. 3. Hãng hàng không nước ngoài, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác với tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.		
Chương V CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP	Chương V XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Điều 13: Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp 1. Hồ sơ đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đối với hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam gồm: a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Mẫu số 07 kèm theo Thông tư này; b) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân Việt Nam; c) Có chứng chỉ của 02 nhân viên tốt nghiệp khoá đào tạo do Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế hoặc Hiệp hội các tổ chức giao nhận quốc tế; d) Biên lai nộp lệ phí. 2. Hồ sơ đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam thực hiện hoạt động đại lý cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài tại Việt Nam gồm: a) Các quy định tại khoản 1, Điều	Điều 12. Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp 1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; b) Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam; c) Có ít nhất 02 nhân viên có chứng chỉ tốt nghiệp khoá đào tạo về giao nhận hàng hoá do Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế hoặc Hiệp hội các tổ chức giao nhận quốc tế cấp; d) Biên lai nộp lệ phí. 2. Trong trường hợp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau: a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này; b) Bản sao hợp đồng chỉ định đại lý		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
này; b) Bản sao hợp đồng chi định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp; c) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa nước ngoài theo Mẫu số 08 kèm theo Thông tư này; d) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hoá lãnh sự theo quy định pháp luật Việt Nam. 3. Tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nộp Hồ sơ đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp tại Cục Hàng không Việt Nam.	xuất vận đơn hàng không thứ cấp; c) Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này; d) Bản dịch có công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài. 3. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có thời hạn hiệu lực không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn. Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị gia hạn đến Cục Hàng không Việt Nam, kèm theo bản sao giấy chứng nhận, báo cáo về hoạt động theo giấy chứng nhận, biên lai nộp lệ phí và các tài liệu bổ sung khác (nếu cần). 3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không 1. Hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không không phải là hoạt động vận chuyển hàng không của một hãng hàng không theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006. 2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không chỉ được làm thủ tục giao nhận hàng hoá tại cảng hàng không, sân bay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.	Điều 13. Yêu cầu đối với hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không 1. Hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không không phải là hoạt động vận chuyển hàng không của một hãng hàng không theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006. 2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hoá bằng đường hàng không chỉ được làm thủ tục giao nhận hàng hoá tại cảng hàng không, sân bay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.		
Chương VI HƯỚNG DẪN VỀ QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG Điều 15. Cấp quyền vận chuyển hàng không 1. Hãng hàng không nộp hồ sơ đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp quyền vận	Chương VI HƯỚNG DẪN VỀ CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG Điều 14. Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không 1. Hãng hàng không nộp hồ sơ đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp quyền vận		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
chuyển hàng không theo quy định tại Điều 113 Luật Hàng không năm 2006. 2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	chuyển hàng không theo quy định tại Điều 113 Luật Hàng không dân dụng năm 2006. 2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		
Điều 16. Trách nhiệm của hãng hàng không 1. Hãng hàng không chỉ được phép kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp. 2. Các hãng hàng không không được mua bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh. 3. Trừ trường hợp thực hiện hợp đồng liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trên đường bay liên quan đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, hãng hàng không không được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại,			Chuyển xuống thành Điều 18 để lô gíc hơn với các chương trên

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
quảng cáo, tiếp thị bằng hình ảnh, thương hiệu, biểu tượng, nhãn hiệu của hãng hàng không khác cho chuyển bay do mình khai thác.			
Điều 17. Điều kiện cấp quyền vận chuyển hàng không 1. Nhu cầu thị trường: a) Đối với những đường bay mới chưa có hãng hàng không nào khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp trên cơ sở đề nghị của hãng hàng không dự định khai thác đường bay đó; b) Đối với các đường bay đang khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp căn cứ kết quả khai thác trên các đường bay này tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền. 2. Khả năng của hãng hàng không: a) Tài chính, đội tàu bay, nhân lực; b) Kế hoạch khai thác tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền. 3. Cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế: a) Cơ sở hạ tầng của các cảng hàng không, sân bay;	Điều 15. Điều kiện cấp quyền vận chuyển hàng không 1. Nhu cầu thị trường: a) Đối với những đường bay mới chưa có hãng hàng không nào khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp trên cơ sở đề nghị của hãng hàng không dự định khai thác đường bay đó; b) Đối với các đường bay đang khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp căn cứ kết quả khai thác trên các đường bay này tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền. 2. Khả năng của hãng hàng không: a) Khả năng về tài chính, đội tàu bay, nhân lực; b) Tính khả thi của kế hoạch khai thác tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền. 3. Cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế: a) Điều kiện đáp ứng của cơ sở hạ	<u>Sửa đổi:</u> tách thành 02 nội dung: Điều kiện cấp quyền vận chuyển hàng không quốc tế và điều kiện cấp quyền vận chuyển hàng không nội địa. <u>Sửa đổi:</u> không nên thể hiện quyền phân bổ thương quyền bay nội địa, sẽ tạo ra cơ chế xin cho.	<u>Giữ nguyên:</u> vì điều kiện cấp là tương đương. <u>Giữ nguyên:</u> Việc phân bổ quyền bay nội địa là trách nhiệm, nghĩa vụ của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam khi thực hiện khoản 3, Điều 115 Luật Hàng không dân dụng 2006, để đảm bảo hài hoà giữa các đường bay có hiệu quả kinh tế cao với các đường bay đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có nhu cầu vận chuyển hàng không công cộng. Hiện nay, mới chỉ có Vietnam Airlines thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
b) Sự phát triển ổn định và hợp lý của các đường bay; c) Cân đối vận tải hàng không giữa các vùng, miền, có tính đến yếu tố kích cầu và khuyến khích khai thác đến các cảng hàng không tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không (đường bay thiết yếu), các cảng hàng không có lượng khai thác thấp, thực tế khai thác các đường bay thiết yếu của các hãng hàng không; d) Phân bổ tài cung ứng hợp lý cho các hãng hàng không Việt Nam trên đường bay trực Bắc - Nam.	tăng của cảng hàng không, sân bay; b) Sự phát triển ổn định và hợp lý của các đường bay; c) Cân đối vận tải hàng không giữa các vùng, miền, có tính đến yếu tố kích cầu và khuyến khích khai thác đến các cảng hàng không tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không (đường bay thiết yếu), các cảng hàng không có lượng khai thác thấp, thực tế khai thác các đường bay thiết yếu của các hãng hàng không; d) Phân bổ tài cung ứng hợp lý cho các hãng hàng không Việt Nam trên đường bay trực Bắc - Nam, bao gồm các đường bay Hà Nội-Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội-Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh-Đà Nẵng.		
Điều 18. Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không 1. Hợp đồng liên danh: là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng số hiệu chuyển bay	Điều 16. Các loại hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không 1. Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm các loại hợp đồng	Đề nghị viết lại cho đúng thể thức	Đã chỉnh sửa

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
của mình trên chuyến bay do hãng hàng không khác khai thác tại Việt Nam. a) Yêu cầu đối với hợp đồng: i. Hãng hàng không Việt Nam ký kết các hợp đồng liên danh phải có điều khoản quy định chỉ có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và phải nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng đến Cục Hàng không Việt Nam; ii. Các hợp đồng liên danh chỉ được xem xét phê duyệt trong trường hợp các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, hãng hàng không Việt Nam; iii. Đối với hoạt động liên danh giữa các hãng hàng không nước ngoài trên các đường bay đến và đi từ Việt Nam, các hãng hàng không nước ngoài phải đệ trình lịch bay liên danh đến Cục Hàng không Việt Nam để xem xét phê duyệt theo quy định của Điều ước quốc tế liên quan.	sau: a) Hợp đồng liên danh; b) Hợp đồng nhượng quyền khai thác; c) Hợp đồng khác mà đối tượng trực tiếp là việc khai thác, sử dụng quyền vận chuyển hàng không. 2. Hợp đồng liên danh là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng số hiệu chuyến bay của mình trên chuyến bay do hãng hàng không khác khai thác tại Việt Nam. 3. Hợp đồng nhượng quyền khai thác là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng một trong các yếu tố sau đây của hãng hàng không khác trong việc tiếp thị, bán và khai thác các chuyến bay của mình tại Việt Nam, bao gồm tên, mã hiệu (ba ký tự của ICAO hoặc hai ký tự của IATA), biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác. Yêu cầu đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng bao gồm: 4. Yêu cầu đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác liên		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng gồm: i. Đơn đề nghị phê duyệt hợp đồng; ii. Bản sao hợp đồng; iii. Bản sao văn bản chỉ định khai thác của quốc gia của hãng hàng không phù hợp với đường bay hợp tác dự kiến. 2. Hợp đồng thương hiệu: là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng một trong các yếu tố sau đây của hãng hàng không khác trong việc tiếp thị, bán và khai thác các chuyến bay của mình tại Việt Nam: tên; mã hiệu (3 ký tự của ICAO hoặc hai ký tự của IATA); biểu tượng của hãng hàng không; nhãn hiệu dịch vụ của hãng hàng không hoặc các hình ảnh thương hiệu khác (sau đây gọi chung là thương hiệu). a) Yêu cầu đối với hợp đồng: i. Hãng hàng không Việt Nam ký kết các hợp đồng thương hiệu phải có điều khoản quy định chỉ có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt và phải nộp hồ sơ đề	quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm: a) Hợp đồng phải có điều khoản quy định chỉ có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt; b) Các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, của hãng hàng không Việt Nam; c) Đối với hoạt động liên danh giữa các hãng hàng không nước ngoài trên các đường bay đến và đi từ Việt Nam, các hãng hàng không nước ngoài phải đệ trình lịch bay liên danh đến Cục Hàng không Việt Nam để xem xét phê duyệt theo quy định của Điều ước quốc tế liên quan. d) Khoản thu của hãng hàng không nhượng quyền khai thác không phụ thuộc vào kết quả khai thác các đường bay của hãng hàng không được nhượng quyền.	<u>Bỏ quy định về hợp đồng thương hiệu</u>: do nó thuộc lĩnh vực Sở hữu trí tuệ và không thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải.	Đã bỏ quy định này

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
ngợi phê duyệt hợp đồng đến Cục hàng không Việt Nam; ii. Các hợp đồng thương hiệu chỉ được xem xét phê duyệt trong trường hợp các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; khoản thu của hãng hàng không chuyển nhượng quyền sử dụng thương hiệu không phụ thuộc vào kết quả khai thác các đường bay của hãng hàng không sử dụng thương hiệu được chuyển nhượng liên quan; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, hãng hàng không Việt Nam. b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng gồm: i. Đơn đề nghị phê duyệt hợp đồng; ii. Bản sao hợp đồng; iii. Bản sao văn bản chỉ định khai thác của quốc gia của hãng hàng không phù hợp với đường bay hợp tác dự kiến; iv. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thương hiệu			

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
dự kiến chuyển nhượng của hãng hàng không chuyển nhượng.			
Điều 19. Thẩm định và phê duyệt Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không 1. Nội dung thẩm định các hợp đồng liên danh a) Quyền vận chuyển hàng không thích hợp của các hãng hàng không tham gia hợp đồng; b) Lịch khai thác hợp tác dự kiến, cụ thể về số hiệu chuyến bay, đường bay, loại tàu bay, tần suất của các hãng hàng không tham gia hợp đồng; thời hạn hiệu lực; c) Số lượng ghế, tài dự kiến mua bán, trao đổi; d) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng. 2. Nội dung thẩm định các hợp đồng thương hiệu a) Quyền vận chuyển hàng không thích hợp của các hãng hàng không tham gia hợp đồng; b) Tên; mã hiệu; biểu tượng, nhãn hiệu hoặc các hình ảnh thương hiệu khác của hãng hàng không dự kiến	Điều 17. Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không 1. Hãng hàng không gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau: a) Văn bản đề nghị phê duyệt hợp đồng; b) Bản sao hợp đồng; c) Văn bản cấp quyền vận chuyển hàng không của Cục HKVN, của nhà chức trách hàng không nước ngoài tương ứng; d) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với mã hiệu, biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác của hãng hàng không chuyển nhượng quyền khai thác. 2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc phê duyệt hợp đồng		<u>Bỏ nội dung thẩm định</u>: do đã bỏ quy định về hợp đồng thương hiệu và nội dung thẩm định khác đã được quy định chung lại tại Điều 15 mới.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
sử dụng để tiếp thị, bán và khai thác các chuyến bay tại Việt Nam; c) Điều khoản về thanh toán; d) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng. 3. Sửa đổi, bổ sung a) Trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên quan đến các nội dung quy định tại các điểm a, và điểm b khoản 2 Điều này, hãng hàng không phải trình Cục Hàng không Việt Nam xem xét, phê duyệt. b) Hồ sơ đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung hợp đồng bao gồm: i. Đơn đề nghị phê duyệt sửa đổi hợp đồng; ii. Bản sao các điều khoản hợp đồng sửa đổi.	hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Điều 18. Yêu cầu đối với việc khai thác quyền vận chuyển hàng không 1. Hãng hàng không chỉ được phép kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp. 2. Các hãng hàng không không được mua bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh. 3. Trừ trường hợp thực hiện hợp đồng liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trên đường bay liên quan đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, hãng hàng không không được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng cáo, tiếp thị bằng hình ảnh, thương hiệu, biểu tượng, nhãn hiệu của hãng hàng không khác cho		Vụ Vận tải và Cục Hàng không thống nhất bổ sung để giải thích, hướng dẫn rõ hơn về quyền vận chuyển

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
	chuyển bay do mình khai thác.		
Chương VII CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG, KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG, KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG Điều 20. Vốn pháp định 1. Đối với trường hợp thành lập mới, văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được quy định như sau: a) Đối với vốn góp bằng tiền mặt: văn bản của ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận phong tỏa tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép mở tại ngân hàng, tổ chức tín dụng; số lượng tiền phong tỏa ít nhất bằng mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp Giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tài sản, bất động sản qui giá trị tương ứng (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt, tài sản, bất động sản); xác nhận phải có hiệu lực	Chương VII HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG, KINH DOANH HÀNG KHÔNG CHUNG Điều 19. Văn bản xác nhận vốn pháp định 1. Đối với trường hợp thành lập mới, văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được quy định như sau: a) Đối với vốn góp bằng tiền mặt: văn bản của ngân hàng, tổ chức tín dụng xác nhận phong tỏa tài khoản của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép mở tại ngân hàng, tổ chức tín dụng; số lượng tiền phong tỏa ít nhất bằng mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp Giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tài sản, bất động sản qui giá trị tương ứng (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt, tài sản, bất		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép; b) Đối với vốn góp bằng tài sản, bất động sản (chỉ tính phần bất động sản trực tiếp phục vụ cho mục đích kinh doanh ngành nghề xin cấp giấy phép): văn bản của các tổ chức, đơn vị được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc được Việt Nam công nhận hoặc thừa nhận trong lĩnh vực định giá, thừa nhận xác nhận quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản và giá trị của tài sản, bất động sản của tổ chức, cá nhân; giá trị của tài sản, bất động sản ít nhất phải tương đương với mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tiền mặt (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt tài sản, bất động sản); quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản phải được duy trì ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép. 2. Đối với trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động, ngoài các hình thức	động sản); xác nhận phải có hiệu lực ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép; b) Đối với vốn góp bằng tài sản, bất động sản (chỉ tính phần bất động sản trực tiếp phục vụ cho mục đích kinh doanh ngành nghề xin cấp giấy phép): văn bản của các tổ chức, đơn vị được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc được Việt Nam công nhận hoặc thừa nhận trong lĩnh vực định giá, thừa nhận xác nhận quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản và giá trị của tài sản, bất động sản của tổ chức, cá nhân; giá trị của tài sản, bất động sản ít nhất phải tương đương với mức vốn pháp định tương ứng với ngành nghề xin cấp giấy phép kinh doanh hoặc bằng hiệu số của mức vốn pháp định trừ đi phần vốn góp bằng tiền mặt (trong trường hợp sử dụng cả tiền mặt tài sản, bất động sản); quyền sở hữu, chiếm hữu tài sản, bất động sản phải được duy trì ít nhất cho đến lúc tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép. 2. Đối với trường hợp doanh nghiệp		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
nêu tại khoản 1 của Điều này, có thể sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp có kiểm toán tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép. 3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.	đang hoạt động, ngoài các hình thức nêu tại khoản 1 của Điều này, có thể sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp có kiểm toán tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép. 3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp xác nhận vốn pháp định cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số vốn tại thời điểm xác nhận.		
Điều 21. Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn của các vị trí 1. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tương ứng, có văn bằng, chứng chỉ liên quan được các cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc thừa nhận. 2. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không phải có bằng đại học các ngành kinh tế hoặc thương mại hoặc tài chính. 3. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hệ thống thanh toán tài chính phải có	Điều 20. Yêu cầu về chuyên môn của các vị trí 1. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tương ứng, có văn bằng, chứng chỉ liên quan được các cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc thừa nhận. 2. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hoạt động phát triển sản phẩm, tiếp thị và bán dịch vụ vận chuyển hàng không phải có bằng đại học các ngành kinh tế hoặc thương mại hoặc tài chính. 3. Người giữ vị trí phụ trách giám sát hệ thống thanh toán tài chính phải có		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
bằng đại học các ngành tài chính hoặc bằng kế toán trưởng.	bằng đại học các ngành tài chính hoặc bằng kế toán trưởng.		
Điều 22. Phần vốn nước ngoài của các dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung 1. Vốn nước ngoài trong một hãng hàng không bao gồm: a) Phần vốn trực tiếp của tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Tỷ lệ vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhân với phần vốn góp vào hãng hàng không của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó. 2. Phần vốn của một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài a) Phần vốn trực tiếp của tổ chức, cá nhân nước ngoài đó; b) Tỷ lệ vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp đầu tư vào hãng hàng không nhân với phần vốn góp vào hãng hàng không của doanh nghiệp đầu tư đó.	Điều 21. Phần vốn nước ngoài của các dự án đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung 1. Phần vốn nước ngoài trong một hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm: a) Phần vốn góp trực tiếp của tổ chức, cá nhân nước ngoài; b) Phần vốn góp vào hãng hàng không của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhân với tỷ lệ vốn góp của tổ chức, cá nhân nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đó. 2. Tổng số phần vốn góp của các nhà đầu tư nước ngoài, của một nhà đầu tư nước ngoài trong một hãng hàng không có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.	<u>Đề nghị:</u> Viết lại để dễ hiểu hơn	Đã chỉnh sửa
Chương VIII	Chương VIII		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
TỔ CHỨC THỰC HIỆN Điều 23. Cấp các văn bản giấy tờ về vận chuyển hàng không 1. Cục Hàng không Việt Nam cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung và gia hạn các loại văn bản, giấy tờ sau: a) Chấp thuận thuận việc thuê, cho thuê tàu bay; b) Giấy chứng nhận đăng ký Điều lệ vận chuyển hàng không; c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; đ) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài; e) Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn thứ cấp; g) Quyền vận chuyển hàng không; h) Phê duyệt hợp đồng liên danh và hợp đồng thương hiệu; 2. Thẩm định hồ sơ: a) Cục trưởng Cục Hàng không Việt	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	Gộp Điều 23 và Điều 24 vào thành 01 Điều quy định trách nhiệm và quyền của Cục.	<u>Đã sửa đổi:</u> theo hướng đưa vào từng nội dung của từng chương, điều và bổ sung Điều 22 mới.

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
Nam căn cứ yêu cầu thực tế để quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ thuê, cho thuê tàu bay; Điều lệ vận chuyển hàng không; thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài; đăng ký xuất vận đơn thứ cấp; quyền vận chuyển hàng không; hợp đồng liên danh và hợp đồng thương hiệu; kinh doanh vận chuyển hàng không; kinh doanh vận chuyển hàng không chung; kinh doanh cảng hàng không và cung cấp dịch vụ hàng không; b) Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định: 3. Thời hạn của Giấy phép, Giấy chứng nhận a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn sử dụng 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; b) Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé có thời hạn sử dụng 02 (hai)			

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
năm kể từ ngày cấp; c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn sử dụng 05 (năm) năm kể từ ngày cấp; d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài có thời hạn sử dụng 02 (hai) năm kể từ ngày cấp; đ) Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có thời hạn sử dụng 05 (năm) năm kể từ ngày cấp hoặc theo thực tế thoả thuận về việc chi định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp. 4. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung và gia hạn các loại văn bản, giấy tờ quy định tại mục b), c), d), đ), e) khoản 1, Điều này. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung và			

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
gia hạn các loại văn bản, giấy tờ quy định tại mục a), g), h) khoản 1, Điều này. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan biết.			
Điều 24. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam 1. Huỷ, thu hồi, đình chỉ Giấy phép, Giấy chứng nhận, chấp thuận và quyền vận chuyển hàng không trong các trường hợp sau: a) Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài vi phạm các qui định của Thông tư này hoặc pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. b) Các bên liên quan chấm dứt hợp đồng, thoả thuận; c) Hồ sơ và báo cáo trong quá trình thẩm định không trung thực; d) Văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 1, Điều 23 Thông tư này hết thời hạn theo quy định. 2. Thẩm định hợp đồng liên danh, hợp đồng thương hiệu theo quy định	Điều 22. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam 1. Huỷ, thu hồi, đình chỉ giấy phép, giấy chứng nhận, việc chấp thuận, việc cấp quyền trong các trường hợp sau: a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận vi phạm các qui định của Thông tư này hoặc pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận không còn đủ điều kiện được cấp hoặc được chấp thuận theo quy định; b) Các bên liên quan chấm dứt hợp đồng, thoả thuận; c) Cố ý lập hồ sơ, báo cáo trong quá		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết và quyền lợi của phía Việt Nam. 3. Kiểm tra và tiến hành các thủ tục công nhận, thừa nhận hiệu lực của các tài liệu về khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định của pháp luật. 4. Thông báo về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam nơi đặt văn phòng. 5. Gửi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận đến các Sở Kế hoạch Đầu tư của các Tỉnh, Thành phố nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính, các Cảng vụ hàng không và các Tổng công ty Cảng hàng không tương ứng. 6. Định kỳ công bố các đường bay thiết yếu theo công bố của Chính phủ về vùng khó khăn với các tiêu chí về thu nhập đầu người, mức độ	trình thẩm định không trung thực; d) Các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này hết thời hạn hiệu lực theo quy định. 2. Kiểm tra và tiến hành các thủ tục công nhận, thừa nhận hiệu lực của các tài liệu về khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định của pháp luật. 3. Thông báo về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đặt văn phòng. 4. Gửi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận đến các Sở Kế hoạch Đầu tư của các tỉnh, thành phố nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính, các Cảng vụ hàng không và các Tổng công ty Cảng hàng không tương ứng. 5. Định kỳ công bố các đường bay thiết yếu theo công bố của Chính		

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
khó khăn đối với các phương tiện vận tải khác, tác động của đường bay đối với phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đảm bảo an ninh, quốc phòng. 7. Chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác các đường bay thiết yếu với tần suất thích hợp theo quy định của pháp luật. 8. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi được cấp, cấp lại, điều chỉnh, bổ sung và gia hạn các loại văn bản, giấy tờ quy định tại khoản 1, Điều 23 Thông tư này. 9. Tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghiên cứu, giải quyết kịp thời.	phù về vùng khó khăn với các tiêu chí về thu nhập đầu người, mức độ khó khăn đối với các phương tiện vận tải khác, tác động của đường bay đối với phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đảm bảo an ninh, quốc phòng. 6. Chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác các đường bay thiết yếu với tần suất thích hợp theo quy định của pháp luật. 7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi được cấp, gia hạn các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này. 8. Tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghiên cứu, giải quyết kịp thời.		
Điều 25. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. 2. Ban hành kèm theo Thông tư này	Điều 23. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.	Bỏ khoản 2: vì các điều đã nêu về các mẫu kèm theo.	Đã bỏ

Dự thảo cũ	Dự thảo đã tiếp thu, sửa đổi 30/9	Các ý kiến khác	Giải trình
14 Mẫu. 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.		